

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v: “ Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thu Hằng.
2. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2022/ QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1987;

- Bị đơn: Anh Trần S, sinh năm: 1978.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Võ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh Trần S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/06/202, và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Trần S tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 02/11/2005.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không có sự quan tâm, chia sẻ cùng chị T, thường xuyên sử dụng bia rượu rồi về nhà gây gổ, đánh đập vợ con. Chị T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh S không thay đổi cách sống, dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì không thể tiếp tục chung sống nên chị T tự ý về nhà cha mẹ ruột sinh sống để tránh va chạm với anh S. Hiện tại chị T không còn tình cảm với anh S nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị T và anh S có 03 con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày 02/6/2005, Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 01/10/2007 và Trần Quang H, sinh ngày 11/10/2018. Hiện nay Trần Ngọc H và Trần Thị Mỹ D sinh sống cùng chị T, Trần Quang H đang ở cùng anh S.

Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung Trần Thị Mỹ D và Trần Quang H, giao Trần Ngọc H cho anh Trần S chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có.

**Tại bản tự khai ngày 05/8/2022 bị đơn anh Trần S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị Võ Thị T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T vào ngày 02/11/2005. Trong quá trình sống chung giữa anh S và chị T có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường xuyên uống rượu bia với bạn bè cùng chỗ làm, chị T không thông cảm cho anh S về việc giao tiếp bạn bè nên hay phàn nàn. Anh S không đánh đập vợ con như chị T trình bày. Anh S cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị T không đến mức phải ly hôn, anh S mong muốn được đoàn tụ cùng chung sống, không đồng ý ly hôn với chị T.

-Về con chung: Anh S và chị T có 03 con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày 02/6/2005, Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 01/10/2007 và Trần Quang H, sinh ngày 11/10/2018. Hiện nay Trần Quang H đang ở cùng anh S. Trần Ngọc H và Trần Thị Mỹ D đang ở cùng chị T.

Trường hợp chị T cương quyết ly hôn, anh S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Thị Mỹ D và Trần Quang H, giao Trần Ngọc H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

-Về tài sản chung, nợ chung: Anh S trình bày không có.

**Tại biên bản xác minh ngày 08/8/2022 của Hội liên hiệp phụ nữ xã N về điều kiện sống cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Võ Thị T và anh Trần S:*

Đại diện Hội Liên Hiệp phụ nữ xã N - Chủ tịch Hội phụ nữ bà Trần Thị Thanh Vũ cho biết: Về điều kiện kinh tế của vợ chồng anh S và chị T rất khó

khăn, cuộc sống vất vả. Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng anh S, chị T Hội không nắm rõ, vì từ trước đến nay Hội không nhận được đơn thư nào từ phía gia đình anh S, chị T gửi đến nhờ can thiệp, hoà giải. Nay chị T yêu cầu được ly hôn anh S, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị T xin được ly hôn anh Trần S.

+Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của các cháu Trần Ngọc H và Trần Thị Mỹ D; Giao cháu Trần Thị Mỹ D và cháu Trần Quang H cho chị Thuý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Ngọc H cho anh Trần S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

+Về tài sản chung, về nợ chung: không có yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

+Về án phí sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Thị T nộp đơn xin ly hôn với anh Trần S. Anh Trần S hiện đang cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Chị Võ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử vụ án mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Võ Thị T và anh Trần S theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập anh Trần S đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa chị Võ Thị T và anh Trần S nhưng anh S không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, anh Trần S tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, anh Trần S phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 02/11/2005 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị T và anh Trần S là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh Trần S là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, chị T và anh S đều xác định trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh S có nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh S nhiều lần dùng bạo lực với chị T nên chị T không còn tình cảm với anh S, chị T tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 6/2022 đến nay. Ngày 20/6/2022, chị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh S.

Về phía anh S, mặc dù không đồng ý ly hôn với chị T, mong muốn được hàn gắn, đoàn tụ chung sống với chị T nhưng tại phiên họp ngày 17/8/2022, anh S đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp Thông báo phiên họp nhưng anh S không đến Tòa án để Tòa án hoà giải đoàn tụ.

Tại các phiên tòa ngày 12/9/2022, ngày 28/9/2022 anh S cũng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ anh S không có trách nhiệm với quan hệ hôn nhân của anh S và chị T.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị T đối với anh Trần S.

[5] Về con chung: Chị T và anh Trần S có 03 con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày 02/6/2005, Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 01/10/2007 và Trần Quang H, sinh ngày 11/10/2018. Hiện nay chị T đang trực tiếp chăm sóc Trần Ngọc H và Trần Thị Mỹ D. Anh S đang trực tiếp chăm sóc Trần Quang H.

Xét yêu cầu của chị T và anh S đối với việc trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn;

Xét trách nhiệm của chị T và anh S về việc chăm sóc con cái trong thời gian qua và điều kiện hiện tại của các bên để có thể đảm bảo nuôi dạy con cái được phát triển toàn diện về mọi mặt;

Xét ý kiến của cháu Trần Ngọc H có nguyện vọng được ở với anh Trần S và cháu Trần Thị Mỹ D có nguyện vọng được ở với chị Võ Thị T.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong thời gian chung sống, chị T và anh S đều có trách nhiệm với các con

chung trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Mặc dù anh S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Mỹ D và cháu Trần Quang H nhưng cháu D là con gái và có nguyện vọng được ở với mẹ, đối với cháu H chưa đủ 4 tuổi, chưa tự chăm sóc được cho bản thân.

Vì lẽ đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con trong độ tuổi chưa thành niên và nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với các con sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình:

- Giao cho chị Võ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Mỹ D và Trần Quang H cho đến tuổi thành niên theo quy định của pháp luật.

- Giao cho anh Trần S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc H cho đến tuổi thành niên theo quy định của pháp luật.

Chị Võ Thị T và anh Trần S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung: Chị T và anh S đều trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị T và anh S đều xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị T đối với anh Trần S.

Chị Võ Thị T được ly hôn với anh Trần S.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 02/11/2005 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Võ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 01/10/2007 và Trần Quang H, sinh ngày 11/10/2018 cho đến tuổi thành niên theo quy định của pháp luật.

- Giao cho anh Trần S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Trần Ngọc H, sinh ngày 02/6/2005 cho đến tuổi thành niên theo quy định của pháp luật.

Chị Võ Thị T và Anh Trần S không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị T và anh Trần S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị T và anh Trần S đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Võ Thị T và anh Trần S đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003106 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị Võ Thị T và anh Trần S vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã N, huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hằng

